



qíng wǎng

情网

noun · love trap; web of love

Example Sentences

tā xiàn rù le qíng wǎng wú fǎ zì bá
他陷入了情网，无法自拔。

He fell into the love trap and couldn't extricate himself.

tā míng zhī shì qíng wǎng què hái shì xīn gān qíng yuàn dì tiào le jìn qù
她明知是情网，却还是心甘情愿地跳了进去。

She knew it was a love trap, but she still willingly jumped into it.

Trace each character, then write the word on your own.

情	情	情	情	情	情	情	情	情	情	情
情	情	情								
网	网	网	网	网	网	网	网	网		